

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 7 - 2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;
2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ nơi cư trú: Số 292, tổ 03, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Đinh Quốc H, sinh năm 1973, địa chỉ nơi cư trú: Số 292, tổ 03, ấp V, xã T, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà L và ông H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà với ông H tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/HT quyền số 02/2002. Thời

gian đầu chung sống rất hạnh phúc và có 02 con chung tên Đinh Thị Kim L, sinh ngày 10/12/2001(đã thành niên) và Đinh Thị Kim L1, sinh ngày 17/10/2007. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, do ông H bê tha chơi bời, có mối quan hệ với những thành phần không tốt, mỗi lần uống rượu về thường hay kiếm chuyện với vợ con, nhiều lần ông H đã có hành vi bạo lực gia đình, đánh bà chấn thương màng nhĩ, phải nhập viện điều trị. Nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H; Về con chung, bà yêu cầu được nuôi dạy cháu Đinh Thị Kim L1, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Đinh Quốc H trình bày: Về điều kiện đi đến hôn nhân đúng như bà L trình bày. Trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông với bà L có xảy ra mâu thuẫn, lúc nào ông cũng nhường nhịn bà L, nhưng do mâu thuẫn nhiều lần, nên vào khoảng đầu tháng 5 năm 2020, trong lúc cãi vã với bà L, ông đã đánh bà L thủng màng nhĩ lỗ tai trái. Nhưng ông vẫn còn rất yêu thương bà L, nên ông mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L; Về con chung, trong thời kỳ hôn nhân giữa ông với bà L có 02 con chung tên Đinh Thị Kim L, sinh ngày 10/12/2001 (đã thành niên) và Đinh Thị Kim L1, sinh ngày 17/10/2007. Nếu tòa án giải quyết ly hôn, ông có yêu cầu nuôi dạy con chung, việc cấp dưỡng do bà L tự quyết định; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà L, ông H không thỏa thuận được với nhau;

Tại phiên tòa,

Bà L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông H, được nuôi dạy con chung; yêu cầu ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông H, thừa nhận có gây thương tích cho bà L, nhưng vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu Tòa án chấp nhận cho ông và bà L ly hôn ông đồng ý để bà L nuôi dạy cháu Đinh Thị Kim L1, ông cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 15/7/2020; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật tranh chấp;

Thu thập chứng cứ phù hợp quy định tại Điều 97, 98 Bộ luật Tố tụng dân sự, thời hạn cấp tổng đạt thực hiện đúng qui định.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung vụ án: Thấy rằng, giữa bà L với ông H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, nên phát sinh quyền nghĩa vụ vợ chồng; ông bà L, ông H là vợ chồng, nhưng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, ông H đã nhiều lần đánh bà L, có lần thủng màng nhĩ lỗ tai trái. Tại phiên tòa bà L vẫn yêu cầu ly hôn với ông H. Xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; Về con chung xét thấy bà L có điều kiện nuôi dạy con chung hơn ông H, theo nguyện vọng con chung muốn sống với bà L, nên yêu cầu nuôi dạy con chung của bà L là có cơ sở; Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông H; Về tài sản chung - nợ chung: không xem xét;

Các đương sự cùng xác định ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; ông H có nơi cư trú tại xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc; bà L đã nộp tiền tạm ứng án phí nên tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Thấy rằng bà L với ông H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tế, thành phố Châu Đốc, theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/HT quyền số 02/2002 ngày 26/7/2002, nên hôn nhân giữa bà L, ông H là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

Bà L cho rằng, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, ông H nhiều lần đánh bà. Đến khoảng giữa tháng 5 năm 2020, ông H có hành vi đánh bà thủng màng nhĩ lỗ tai trái phải nhập viện điều trị. Ông H thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, giữa ông với bà L nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, thừa nhận có đánh bà L thủng màng nhĩ như lời bà L trình bày.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp*

đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....” Thế nhưng vợ chồng bà L, ông H lại thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, ông H có hành vi gây thương tích cho bà L đến nhập viện điều trị. Ngoài ra, con chung nhiều lần chứng kiến bà L, ông H cãi vã nhau. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L với ông H thống nhất có 02 con chung tên Đinh Thị Kim L, sinh ngày 10/12/2001 (đã thành niên) và Đinh Thị Kim L1, sinh ngày 17/10/2007; Tại phiên tòa, bà L và ông H thống nhất bà L được nuôi dạy cháu Luôn. Sự thống nhất của bà L và ông H phù hợp với nguyện vọng của cháu Luôn được sống với bà L. Do đó, công nhận sự thỏa thuận của bà L, ông H. Bà L được nuôi dạy cháu Đinh Thị Kim L1, sinh ngày 17/10/2007.

Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung: Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...;

Tại phiên tòa, ông H và bà L thống nhất ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng để bà L nuôi dạy con chung. Xét, công nhận sự thỏa thuận của bà L, ông H.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà L trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Đinh Quốc H,;

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được nuôi dạy con chung tên Đinh Thị Kim L1, sinh ngày 17/10/2007, ông Đinh Quốc H có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi cháu Luôn thành niên và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 15 tháng 7 năm 2020.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở việc bà L trong chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/003778 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; bà L đã nộp đủ.

Ông H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L, ông H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Đức